

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2021/HC-PT

Ngày 18 tháng 11 năm 2021.

V/v: “Khiếu kiện quyết định về biện pháp
khắc phục hậu quả và cưỡng chế buộc
thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung.

Ông Nguyễn Hữu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 210/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 2183/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2196/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Hồ Thị Kim N, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 143/9D đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có: Ông Đặng Phước T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Căn hộ M2-23-24 chung cư Jamona City, Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020), có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện có: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020), có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Nguyễn Quốc Th - Phó trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường quận B, xin xét xử vắng mặt.

- Phạm Đức X - Chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi trường quận B, có mặt.

- Ngô Thị H – Chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi trường quận B, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc Tr, sinh năm 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 143/9D đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Tr có: Ông Đặng Phước T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Căn hộ M2-23-24 chung cư Jamona City, Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020).

4. Người kháng cáo: Ông Đặng Phước T- Là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Hồ Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện bà Hồ Thị Kim N trình bày:* Vào năm 1979 ông Hồ Văn T1 là cha của bà N mua nhà và đất của ông Trần Văn T2 với diện tích 66m² tại số 143/9D đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực quanh nhà ông T1 là đất ao Tây với hiện trạng là vùng đầm lầy, ngập nước có nhiều cây cối hoang dã. Do gia đình đông con nên ông T1 khai hoang phần đất ao Tây để canh tác trồng rau, nuôi cá và coi nói diện tích để xây dựng nhà ở. Năm 1995 do gia đình khó khăn về kinh tế nên ông T1 bán phần diện tích nhà mặt tiền đường, phần đất còn lại thì tiếp tục canh tác và sử dụng để ở. Năm 1996 Ủy ban nhân dân quận B đã xử phạt hành chính đối với ông T1 do sửa chữa nhà ở không phép. Năm 1998 thực hiện việc thu hồi đất để triển khai dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí. Gia đình ông T1 đã nhận tiền bồi hoàn phần hoa màu rau muống trồng trên mặt nước ao tây. Riêng phần đất thì chưa được bồi hoàn. Năm 1999 ông T1 kê khai đăng ký nhà đất được xác nhận tình trạng pháp lý nhà đất thuộc về cá nhân, tổ chức không thuộc diện nhà nước quản lý; nhà đất sử dụng chưa có giấy tờ hợp lệ; nhà có vi phạm xây dựng trước ngày 05/7/1994. Đến năm 2000 để tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí, Ủy ban nhân dân Phường X có thực hiện bồi hoàn đợt 2 là ao cá, 2 nhà sàn và phần công sức bồi đắp nền đất nhưng ông T1 không đồng ý và có đơn kiến nghị xem xét giải quyết mức giá bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

Hiện tại trên diện tích đất khai hoang, coi nói chưa được cấp quyền sử dụng đất, trong đó bà N đang quản lý sử dụng phần đất diện tích 76,3m² theo bản sơ đồ nhà đất ngày 10/6/2016.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với hành vi “Chiếm đất ở, thuộc 1 phần thửa số 01, tờ bản đồ số 26 – Bản đồ địa chính Phường X, lập năm 2002, diện tích đất 53,4m²”. Ngày 22 tháng 5 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC về việc đình chỉ 4048/QĐ-KPHQ. Ngày 08/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6576/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm diện tích 53,4m². Ngày 26/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Thông báo về việc tiến hành cưỡng chế vào ngày 31/7/2019.

Vì cho rằng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành các quyết định trên là chưa xem xét hoàn toàn nguồn gốc đất và quá trình sử dụng ổn định, hợp pháp của gia đình bà N làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N. Nên bà Hồ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 4084/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2019, Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 và 6526/QĐ-CCXP ngày 8/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày:* Theo tài liệu 299/TTg thể hiện khu ao Tây Phường X thuộc các thửa: số 5 (diện tích: 13.530m², loại đất hoang đồng bằng), số 16 (diện tích: 956m², loại đất rau), số 17 diện tích: 9.239m², loại đất hoang đồng bằng) và số 22 (diện tích: 28.675m², loại đất ao) do Ủy ban nhân dân Phường X đăng ký sử dụng. Năm 1984, một số cá nhân chiếm khu đất ao Tây để sử dụng nuôi cá, xây dựng nhà ở.... Ngày 13 tháng 11 năm 1995, Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số 3478/UB-QLĐT chấp thuận cho Công ty phát triển nhà quận B sử dụng khu đất tại Phường X, quận B, diện tích 21ha để đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí bao gồm khu đất ao Tây. Ngày 21 tháng 10 năm 1996, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4850/QĐ-UB-QLĐT về việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở, các hộ dân cư nằm trong khu quy hoạch 21ha để đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí bờ sông tại Phường X, quận B. Ngày 03 tháng 4 năm 1997, Ban Vật giá - Ủy ban nhân dân quận B ban hành Bản quy định số 100/QĐ-LCQ về đơn giá đền bù trợ cấp thiệt hại và bố trí tái định cư trong công trình xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí bờ sông tại Phường X, quận B. Năm 1998, Công ty quản lý và phát triển nhà B phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường X khảo sát, điều tra hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân tại khu vực ao Tây để tiến hành đền bù cho các hộ dân có nhà đất nằm trong phạm vi dự án khu nhà ở du lịch - giải trí bờ sông Sài Gòn.

Theo Bản đồ địa chính Phường X, quận B lập năm 2002 thì thửa đất số 1, tờ bản đồ số 26, diện tích: 25.523m², đất sản xuất kinh doanh do Công ty phát triển nhà B (nay là Công ty TNHH MTV Địa ốc B) kê khai sử dụng.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 7A/2018 do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B lập ngày 02 tháng 7 năm 2018 thì bà Hồ Thị Kim N đang sử dụng diện tích: 53,4m² thuộc một phần thửa số 22, tờ bản đồ duy nhất - theo tài liệu 299/TTg nay thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 26 theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 do Công ty phát triển nhà B (nay là Công ty TNHH MTV Địa ốc B) kê khai sử dụng.

Về quy hoạch: Vị trí phần đất 53,4m² thuộc quy hoạch khu nhà ở du lịch - giải trí bờ sông Sài Gòn, Phường X, quận B do Công ty Phát triển nhà B làm chủ đầu tư, được duyệt theo Văn bản số 9106/KTST.QH ngày 28 tháng 7 năm 1996 và được điều chỉnh theo Quyết định số 1613/KTS.T - ĐB1 ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố.

Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20 tháng 5 năm 2019, Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22 tháng 5 năm 2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thị Kim N nhưng bà không chấp hành quyết định trên.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 7 năm 2019 và đã tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Vì vậy đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định số 4084/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2019, Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22 tháng 5 năm 2019 và 6576/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Trường: Thống nhất với ý kiến với bà N.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2183/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 116, 157, 158, 182, 190, 193, 194, 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật xử lý vi phạm hành chính; căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở; quản lý sử dụng nhà và công sở; căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 28/8/2017 của Chính Phủ; nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; căn cứ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim N về việc hủy các Quyết định: Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đình chỉ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2021 ông Đặng Phước T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đình chỉ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà N có ý kiến: Ủy ban nhân dân Phường X không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đăng ký quyền sử dụng đất. Trên thực tế ông T1 có kê khai đăng ký được Phường X xác nhận. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận cho Công ty phát triển nhà đầu tư chứ chưa giao đất. Việc ông T1 coi nói đất vào năm 1979, 1982 chưa từng bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi coi nói; án sơ thẩm nhận định ông T1 có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không xác định được số thửa đất, đây không phải là lỗi của ông T1 mà thuộc nhiệm vụ quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân Phường X. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm hủy các Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2013; Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019; Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện đề nghị bác đơn kháng cáo của bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Phước T là đại diện theo ủy quyền của bà người khởi kiện Hồ Thị Nga hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2019, Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[4.1.] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Việc ban hành các Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2019; Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 và Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 28/8/2017 của Chính Phủ; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[4.2.] Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định:

- Ngày 18/7/2018 Thanh tra quận B lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Hồ Thị Kim N do có hành vi lấn chiếm đất ở thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 26 – Bản đồ địa chính Phường X lập năm 2002 vị trí và diện tích đất được xác định theo bản đồ hiện trạng số 7A/2018 do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B lập ngày 02/7/2018. Thời điểm vi phạm từ sau năm 2002 đến trước ngày 16/11/2004. Căn cứ khoản 3, 5 Điều 10 và Điều 36 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ngày 20/5/2019 Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định số 4048/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thị Kim N: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 26 – Bản đồ địa chính phường X lập năm 2002 vị trí và diện tích được xác định theo bản đồ hiện trạng số 7A/2018 do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B lập ngày 02/7/2018. Ngày 22/5/2019 Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định số 4273/QĐ- ĐCXPCPHC quyết định đình chỉ quyết định 4048/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thị Kim N.

Ngày 10/6/2019 bà Hồ Thị Kim Nga có đơn khiếu nại đề nghị xem xét lại Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ và Quyết định số 4273/QĐ- ĐCXPCPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 01/7/2019 Ủy ban nhân dân quận B có văn bản số 2408/UBND-TNMT trả lời không chấp nhận khiếu nại của bà N.

Ngày 08/7/2019 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6526/QĐ-CCXP quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thị Kim N.

[4.3] Xét căn cứ ban hành quyết định:

Theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, Ủy ban nhân dân Phường X, quận B đã kê khai đăng ký sử dụng thửa đất số 22 có diện tích chung là 28.675m², loại đất ao thuộc khu ao Tây tại phường X quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1984 có một số hộ dân lấn chiếm để sử dụng trong đó có gia đình ông Hồ Văn T1 cha của bà N.

Ngày 13 tháng 11 năm 1995, Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản số 3478/UB-QLĐT chấp thuận cho Công ty phát triển nhà quận B sử dụng khu đất ao Tây tại Phường X quận B để đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí.

Đến ngày 21 tháng 10 năm 1996, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 4850/QĐ-UB-QLĐT về việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở, các hộ dân cư nằm trong khu quy hoạch 21ha để đầu tư xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí bờ sông tại Phường X, quận B.

Ngày 03 tháng 4 năm 1997, Ban Vật giá - Ủy ban nhân dân quận B ban hành Bản quy định số 100/QĐ-LCQ về đơn giá đền bù trợ cấp thiệt hại và bố trí tái định cư trong công trình xây dựng khu nhà ở, du lịch, giải trí bờ sông tại Phường X, quận B.

Năm 1998, Công ty quản lý và phát triển nhà B phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường X khảo sát điều tra hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân tại khu vực ao Tây để tiến hành đền bù cho các hộ dân có nhà đất nằm trong phạm vi dự án khu nhà ở du lịch - giải trí bờ sông Sài Gòn. Ông Hồ Văn T1 đã nhận tiền bồi hoàn hoa màu là rau muống trên mặt nước ao Tây (Rạch Công) để giao trả mặt bằng cho đơn vị đầu tư (BL số 62).

Khi thực hiện đo đạc Bản đồ địa chính lập năm 2002, Công ty phát triển nhà B kê khai sử dụng thửa số 1, tờ bản đồ số 26, loại đất sản xuất kinh doanh. Trong đó có diện tích 53,4m² bà N đang sử dụng. Tại bản đồ hiện trạng vị trí số 7A/2018 do Phòng tài nguyên và Môi trường quận B lập ngày 02/7/2018 đã xác định: Bà Hồ Thị Kim N sử dụng phần đất diện tích 53,4m² thuộc một phần của thửa đất số 22, tờ bản đồ duy nhất –theo Tài liệu 299/TTg, nay thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 26 – Theo bản đồ địa chính lập năm 2002 là đất sản xuất kinh doanh do Công ty phát triển nhà B kê khai sử dụng.

Người khởi kiện cho rằng nguồn gốc nhà và đất trước đây do cha ruột của bà là ông Hồ Văn T1 mua của ông Trần Văn T2 vào năm 1979 với diện tích 66m² được Ủy ban nhân dân quận B chứng thực hợp pháp bởi văn bản xét duyệt số 220/HC/BT/N ngày 14/8/1979, nhưng trong quá trình sử dụng nhà đất ông T1 đã khai hoang, bồi đắp, cải tạo trồng rau muống và coi nơi diện tích để ở từ năm 1982, sau đó ông T1 đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 2.000m² vào ngày 13/8/1999 được Ủy ban nhân dân phường X xác nhận ngày 14/10/1999, đến năm 2010 bà N được ông T1 tặng cho nhà đất và bà tiếp tục sử dụng. Đến năm 2019 để hợp thức hóa, gia đình mới làm văn bản thỏa thuận khai nhận và phân chia di sản thừa kế cho bà N với diện tích 76,3m² trong đó có diện tích 53,4m² có gắn căn nhà do ông T1 xây dựng trước ngày 22/4/2002.

Tuy nhiên tại tờ cam kết được Phường X, quận B chứng thực số 1474 ngày 02/8/1979 xác nhận việc ông Trần Văn T2 có bán cho ông Hồ Văn T1 căn nhà số 143/9D, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B và tại xác nhận số 296/CXNND ngày 28/3/1996 của Ủy ban nhân dân quận B xác nhận số nhà cho ông Hồ Văn T1 tại địa chỉ nhà số 143/9D, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B. Diện tích được công nhận theo giấy chủ quyền là 66m². Mặt khác, tờ đăng ký nhà đất ngày 13/8/1999, ông T1 có xác định nhà không số cất nhà trên ao tây, nhà xây dựng vi phạm trước ngày 05/7/1994, diện tích nhà 80m² trên diện tích toàn bộ khuôn viên 2.000m², nguồn gốc đất do tự khai phá trồng rau muống và cất một căn nhà đơn sơ để ở, tự đổ đất cát cất nhà trên ao tây ngang 06m dài 21m = 126m², trong tờ đăng ký nhà đất ông T1 khai do ông tự đổ đất, cát để xây dựng nhà khu đất ao tây do Ủy ban nhân dân phường X kê khai sử dụng theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ. Đồng thời tại giấy xác nhận năm 2009 ông T1 có trình bày về nguồn gốc nhà đất số 143/9D, Ung Văn Khiêm (Xô Viết Nghệ Tĩnh cũ), Phường X, quận B có nguồn gốc do ông T1 mua của ông T2 từ năm 1979 để ở đến năm 1995 thì ông T1 bán phần mặt tiền đường (trong chủ quyền), còn lại phần sau diện tích (ngoài chủ quyền) ông xây dựng nhà để ở từ năm 1982, đến năm 1995 ông làm giấy tay cho con ruột là ông Hồ Thanh Nhân. Ngoài ra, theo đơn xin cấp số nhà của ông Hồ Văn T1 tại số 208/18 đường D2 phường 15. Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Thông báo số 813/TB.UBND ngày 26/6/2007 tạm cấp số nhà và xác nhận tình trạng pháp lý nhà xây dựng không phép trên đất có nguồn gốc lấn chiếm cho Ủy ban nhân dân phường X đăng ký.

Như vậy có căn cứ xác định ông T1 có nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông T2 tại địa chỉ nhà số 143/9D, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận B, diện tích được công nhận theo giấy chủ quyền nhà là 66m². Sau đó ông T1 tự lấn chiếm khu đất ao tây do Ủy ban nhân dân phường X, quận B kê khai đăng ký quản lý. Do đó xét lời Bà N nại ra rằng diện tích 53,4m² của bà được ông T1 kê khai đăng ký và sử dụng ổn định đến năm 2010 tặng cho bà N là chưa có căn cứ để chấp nhận.

Xét tại biên bản kiểm tra ngày 11/3/2002 của Ủy ban nhân dân Phường X quận B đã xác định ông T1 có hành vi lấn chiếm đất công nhưng sau đó bà N được cho sử dụng từ năm 2010. Do hành vi lấn chiếm sử dụng làm nhà ở từ năm 2002, hết thời hiệu xử phạt vi phạm về hành vi lấn, chiếm đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B căn cứ khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc bà trả lại đất đã lấn, chiếm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do bà N không chấp hành Quyết định xử phạt hành chính số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2019 và Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nên ngày 08/7/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 6526/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 86,87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà N kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà N.

Do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Kim N do ông Đặng Phước T làm đại diện. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 2183/2020/HC-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 116, 157, 158, 182, 190, 193, 194, 204 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim N về việc hủy các Quyết định:

2.1. Quyết định số 4048/QĐ-KPHQ ngày 20/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2.2. Quyết định số 4273/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 22/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đình chỉ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

2.3. Quyết định số 6526/QĐ-CCXP ngày 08/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0093629 ngày 02/02/2021 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**